TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DSST
Ngày: 30 - 3 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tống Xuân Tú.
2. Bà Trần Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. (S1).

Địa chỉ: Số B, N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền theo giấy uỷ quyền ngày 27/12/2024: Bà Nguyễn Thị Quỳnh H - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo uỷ quyền lại theo giấy uỷ quyền ngày 04/9/2025: Ông Hà Minh N - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Phòng G - Ngân hàng TMCP S. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường L, phường V, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn B, xã D, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2025, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn là ông Hà Minh N trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S1) và chị Bùi Thị Q có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Ngày 09/01/2025, chị Bùi Thị Q có ký với Ngân hàng S1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Đề nghị kiêm hợp đồng

phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1). Căn cứ thu nhập của chị Bùi Thị Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thời điểm phát hành thẻ là 29,8%/năm. Đại diện Ngân hàng đã ký duyệt cho chị Q vào ngày 10/01/2025 nhưng trong phần năm do sơ suất nên Ngân hàng đã ghi là năm 2024. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị Bùi Thị Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 28.490.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 25/9/2025 chị Bùi Thị Q đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 3.697.000 đồng. Sau đó chị Q không thanh toán, do chị Bùi Thị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/3/2026 tổng cộng dư nợ của chị Bùi Thị Q là 33.497.098 đồng, trong đó tiền gốc là 24.793.000 đồng, tiền lãi là 7.230.859 đồng, tiền phí 599.000 đồng, tiền phí trễ hạn 874.239 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Bùi Thị Q phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 33.497.098 đồng và buộc chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Bùi Thị Q trình bày: Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và tập khởi kiện do Tòa án gửi cho chị thông qua ông Đinh Văn T - Trưởng thôn Bái, xã D, tỉnh Hưng Yên. Chị đã được xem đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân vào ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ngân hàng S1 phát hành chị thừa nhận chữ ký đó là của chị nhưng do chị mắt kém, cũng không đọc gì, chỉ có anh M Q1 là giám đốc trung tâm tiếng anh N1 - Chi nhánh Đ, có địa chỉ tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình bảo chị ký để cho con trai chị là cháu Đinh Văn Cao H1 thì chị ký chứ chị không biết là đã ký vào giấy tờ gì. Khi đến Trung tâm Tiếng Anh ký các giấy tờ thì chị không bị ai ép buộc ký các giấy tờ trên. Chị không được nhận khoản tiền nào từ Ngân hàng S1. Tiền đóng học cho con chị là do chị lao động mà có. Chị đã đóng cho Trung tâm Tiếng Anh bốn đợt tiền: đợt 1 là 500.000 đồng, đợt 2 là 1.500.000 đồng, đợt 3 là 1.500.000 đồng, đợt 4 là 400.000 đồng. Tổng 3.900.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ba lần đưa tay và một lần chuyển khoản, lần chuyển khoản là lần thứ hai với số tiền 1.500.000 đồng, chị có nhờ chị Y thao tác chuyển hộ chị. Con trai chị là Đinh Văn C đang học trường THCS D1, vào tầm tháng 01 năm 2025 (chị không nhớ rõ cụ thể ngày), chị có được chị Y – chị không biết chị Y là ai giới thiệu cho chị với nội dung "vì con chị học kém nên có 01 suất học bổng giành cho con chị tại

Trung tâm giáp với trường C1 – Đông Hưng H2" nên mấy hôm sau (chị không nhớ rõ cụ thể thời gian) chị tự tìm vào Trung tâm Tiếng Anh trên với mục đích đăng ký cho con chị học. Khi đến Trung tâm chị có gặp anh Minh Q1 và chị Y để đăng ký học cho con chị. Anh Q1 có giới thiệu chức vụ và giới thiệu cho chị mức học phí cho con chị là 20 triệu đồng/02 năm. Chị trả lời thế thì cao quá chị không có điều kiện cho con học. Sau đó anh Q1 có nói có suất học bổng cho con chị thì cứ cho con học 01 tháng nếu không học được thì sẽ hoàn lại tiền cho chị. Sau khi nghe giải thích thì chị đồng ý cho cháu học ở Trung tâm và chị có ký vào các giấy tờ do anh M Q1 đưa cho chị ký để cho con học. Sau đó con chị có học ở Trung tâm được 03 tháng thì con chị bỏ học với lý do con chị không thích học nữa và điều kiện nhà xa, không ai đưa đón. Chị có đến báo cho Trung tâm biết con chị không học nữa. Từ thời điểm đó chị không hề ký thêm bất kỳ giấy tờ gì. Đến tháng 8 năm 2025 thì Ngân hàng đến thông báo là chị có vay Ngân hàng S1 số tiền 27.821.873 đồng và yêu cầu chị phải trả nợ tiền đã vay và chị có trả lời chị đã hủy học cho con rồi thì đến Trung tâm tiếng Anh mà đòi chứ chị có nợ gì đâu. Chị chỉ biết đóng tiền cho chị Y để cho con học, việc chị Y đóng cho ai thì chị không biết. Chị không ký hợp đồng nào với Ngân hàng S1, không nhận khoản tiền nào từ Ngân hàng S1 nên chị không đồng ý với mọi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1.

Tại biên bản xác minh với Trung tâm N2 - Chi nhánh Đ có nội dung: Chị Bùi Thị Q có đăng ký cho con là Đinh Văn C theo học tại Trung tâm ngoại ngữ Net Edu từ tháng 01 năm 2025. Để cho con theo học chị Q có đăng ký với Ngân hàng S1 phát hành thẻ tín dụng với số tiền 30 triệu đồng. Trung tâm Tiếng Anh có liên kết với Ngân hàng S1 nên Ngân hàng đã chuyển Phom ký kết hợp đồng để Trung tâm hướng dẫn cho khách hàng nếu có nhu cầu phát hành thẻ để lấy tiền đóng học phí tại Trung tâm thì ký vào mẫu phát hành thẻ. Sau khi khách hàng ký thì gửi lại mẫu phát hành thẻ để Ngân hàng làm thủ tục phát hành thẻ. Sau khi Ngân hàng phát hành thẻ cho chị Q với số tiền là 30 triệu đồng thì Ngân hàng đã chuyển số tiền trên cho Trung tâm để đóng học phí cho con chị Q là Đinh Văn C. Hàng tháng chị Q phải đóng lãi tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết. Cháu Đinh Văn Cao H1 đến tháng 6 năm 2025 thì nghỉ học không rõ lý do. Trung tâm đã nhiều lần liên lạc với chị Q nhưng không được. Nay Ngân hàng khởi kiện chị Q là việc của Ngân hàng, còn số tiền học phí mà Ngân hàng nộp thay cho chị Q để đóng học cho cháu C thì Trung tâm sẽ giải quyết với chị Q và cháu C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn

chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 463, Điều 464, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 đối với chị Bùi Thị Q. Buộc chị Bùi Thị Q phải trả cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc và tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/01/2025. Chị Bùi Thị Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng S1 theo hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 31/3/2026 đến ngày chị Bùi Thị Q thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng S1. Chị Bùi Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại Ngân hàng S1 số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng S1 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị Q trả nợ tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết, vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn chị Bùi Thị Q có nơi cư trú tại thôn B, xã D, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Tòa án đã lấy lời khai của bị đơn, căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 09/01/2025 Ngân hàng S1 và chị Bùi Thị Q có ký đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp. Do đó

làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết khi ký hợp đồng.

[3.2] Sau khi chị Bùi Thị Q ký đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng S1. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị Bùi Thị Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 28.490.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 25/9/2025 chị Bùi Thị Q đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 3.697.000 đồng. Sau đó chị Bùi Thị Q không trả nợ, chị Bùi Thị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/3/2026 tổng cộng dư nợ của chị Bùi Thị Q là 33.497.098 đồng, trong đó tiền gốc là trong đó tiền gốc là 24.793.000 đồng, tiền lãi là 7.230.859 đồng, tiền phí 599.000 đồng, tiền phí trễ hạn 874.239 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Bùi Thị Q phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 33.497.098 đồng và buộc chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ và cần chấp nhận.

[3.3] Theo đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng S1 giữa Ngân hàng S1 và chị Bùi Thị Q đã thỏa thuận về lãi suất. Đây là hợp đồng vay giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết theo hướng dẫn tại các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Việc chị Bùi Thị Q không trả nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án buộc chị Bùi Thị Q phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phí duy trì thẻ phải trả tính từ thời điểm Ngân hàng S1 chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2026) và buộc chị Q phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày chị Q thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng S1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét lời trình bày của chị Bùi Thị Q có nội dung chị đã được xem đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân vào ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ngân hàng S1 phát hành chị thừa nhận chữ ký đó là của chị nhưng do chị mắt kém, cũng không đọc gì, chỉ có anh M Q1 là giám đốc trung tâm tiếng anh Nest E - Chi nhánh Đ, có địa chỉ tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình bảo chị ký để cho con trai chị là cháu Đinh Văn Cao H1 thì chị ký chứ chị không biết là đã ký vào

giấy tờ gì. Khi đến Trung tâm Tiếng Anh ký các giấy tờ thì chị không bị ai ép buộc ký các giấy tờ trên. Tại thời điểm ký các giấy tờ đề nghị phát hành thẻ chị Q đủ khả năng nhận thức, hoàn toàn tỉnh táo không bị ai ép buộc, trong hợp đồng cũng thể hiện rõ nội dung thỏa thuận, cam kết của khách hàng, chị Q hoàn toàn có đủ điều kiện để biết rõ nội dung hợp đồng là gì. Chị Q trình bày sau khi ký hợp đồng chị không nhận được tiền từ Ngân hàng. Tuy nhiên, căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp thì chị Q thực hiện giao dịch quẹt thẻ số tiền 28.490.000 đồng để đóng học phí khóa học tại Trung tâm tiếng Anh Nest E cho con và đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 3.697.000 đồng. Phía Trung tâm Nest E cũng xác nhận số tiền 28.490.000 đồng chị Q đóng học cho con có nguồn gốc là tiền chị Q vay Ngân hàng qua hợp đồng tín dụng. Như vậy ngoài lời khai trên thì chị Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó cần xác định thỏa thuận giữa các bên là có thực, phát sinh hiệu lực theo quy định của Bộ luật dân sự. Chị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Q là bên vi phạm các hợp đồng tín dụng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của Ngân hàng S1 được chấp nhận nên trả cho Ngân hàng S1 số tiền tạm ứng án phí là 690.000 đồng đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S1 và chị Bùi Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 463, Điều 464, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) đối với chị Bùi Thị Q về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc chị Bùi Thị Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) tổng số tiền tính đến ngày 30/3/2026 là 33.497.098 đồng (làm tròn là 33.497.000 đồng). Trong đó tiền gốc là trong đó tiền gốc là 24.793.000 đồng, tiền lãi là 7.230.859 đồng, tiền phí 599.000 đồng, tiền phí trễ hạn 874.239 đồng. Chị Bùi Thị Q phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết

ngày 09/01/2025 kể từ ngày 31/3/2026 cho đến ngày chị Bùi Thị Q thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1).

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 1.674.854 đồng (làm tròn là 1.675.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) số tiền 690.000 đồng tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002025 ngày 13/10/2025 của Phòng THADS Khu vực 8 tỉnh Hưng Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đại diện Ngân hàng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Q2 mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quốc Khánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: HS-HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Quốc Khánh